



TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HANOI MEDICAL UNIVERSITY

VAI TRÒ CỦA SIÊU ÂM QUYẾT ĐỊNH PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ KHUYẾT SỢ MỔ

HCMC, 09/06/2024

Hồ Sỹ Hùng

*Bộ môn Phụ sản ĐHY Hà Nội
Trung tâm Hỗ trợ sinh sản QG*

1

Các thuật ngữ

- Khuyết sẹo mổ lấy thai
- Hở sẹo mổ lấy thai
- Césarienne scar defect
- Uterin Niche
- Isthmocolle
- Uterine scar dehiscence
- Diverticulum

2

Tổng quan

- ❑ Mổ lấy thai (cesarean section – CS): là phẫu thuật phổ biến nhất
- ❑ WHO khuyến cáo tỉ lệ mổ lấy thai lý tưởng: 10-15%
- ❑ Thực tế, tỉ lệ mổ lấy thai ngày càng tăng: Châu Âu (25%), Bắc Mỹ (32,3%), Nam Mỹ (42,9%), ...Việt nam (~ 31%)
- ❑ Khuyết sẹo mổ lấy thai là một biến chứng của CS
- ❑ Nhiều định nghĩa khác nhau về khuyết sẹo mổ lấy thai, phụ thuộc vào phương pháp chẩn đoán: SA bơm nước, SA đầu dò âm đạo, chụp HSG, Nội soi BTC, ...

3

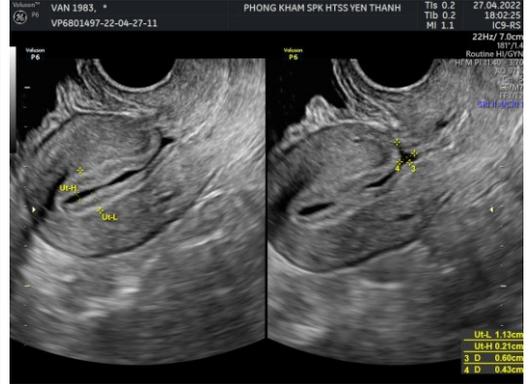
Chẩn đoán

- ❑ Ra máu âm đạo bất thường: là triệu chứng thường gặp nhất của khuyết sẹo vết mổ. Có nhiều hình thái khác nhau (Post-menstrual Spotting, Prolonged Bleeding, Intermittent Spotting, ...)
- ❑ Đau bụng dưới: đau bụng kinh, đau khi quan hệ, ...
- ❑ Dịch buồng tử cung (giữa chu kỳ)
- ❑ Vô sinh thứ phát

4

Chẩn đoán khuyết sẹo mổ lấy thai

- Chưa có đồng thuận về tiêu chuẩn chẩn đoán
- Sử dụng SA đầu dò âm đạo là phương pháp đơn giản nhất
- Hình ảnh XQ khá điển hình có ưu, nhược điểm nhất định



5

Siêu âm bơm nước



Trước bơm nước



Sau bơm nước

6

6

Định nghĩa

Ultrasound Obstet Gynecol 2019; 53: 107–115

Published online in Wiley Online Library (wileyonlinelibrary.com). DOI: 10.1002/uog.19049.

This is an open access article under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial-NoDerivs License, which permits use and distribution in any medium, provided the original work is properly cited, the use is non-commercial and no modifications or adaptations are made.



Sonographic examination of uterine niche in non-pregnant women: a modified Delphi procedure

I. P. M. JORDANS¹, R. A. DE LEEUW¹, S. I. STEGWEE¹, N. N. AMSO²,
P. N. BARRI-SOLDEVILA³, T. VAN DEN BOSCH⁴, T. BOURNE⁵, H. A. M. BRÖLMANN¹,
O. DONNEZ^{6,7}, M. DUEHOLM⁸, W. J. K. HEHENKAMP¹, N. JASTROW⁹, D. JURKOVIC¹⁰,
R. MASHIACH¹¹, O. NAJI⁵, I. STREULI⁹, D. TIMMERMAN⁴, L. F. VAN DER VOET¹²
and J. A. F. HUIRNE¹

7

7

Định nghĩa

Ultrasound Obstet Gynecol 2019; 53: 107–115

Published online in Wiley Online Library (wileyonlinelibrary.com). DOI: 10.1002/uog.19049.

This is an open access article under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial-NoDerivs License, which permits use and distribution in any medium, provided the original work is properly cited, the use is non-commercial and no modifications or adaptations are made.

Sonographic examination of uterine niche in non-pregnant women: a modified Delphi procedure

I. P. M. JORDANS¹, R. A. DE LEEUW¹, S. I. S
P. N. BARRI-SOLDEVILA³, T. VAN DEN BOS
O. DONNEZ^{6,7}, M. DUEHOLM⁸, W. J. K. HI
R. MASHIACH¹¹, O. NAJI⁵, I. STREULI⁹, D. TI
and J. A. F. HUIRNE¹

Agreed recommendations and statements

Definitions and relevance

Most (83%) experts agreed that a niche should be defined as an indentation at the site of the CS scar with a depth of at least 2 mm. A niche can be subclassified as follows:

- Theo đồng thuận Delphi cải tiến (2019): Khuyết sẹo mổ lấy thai là một vết khuyết, tại vị trí mổ lấy thai, sâu $\geq 2\text{mm}$ (SA đầu dò âm đạo)
- Gặp ở 70% phụ nữ từng mổ lấy thai, 30% có triệu chứng

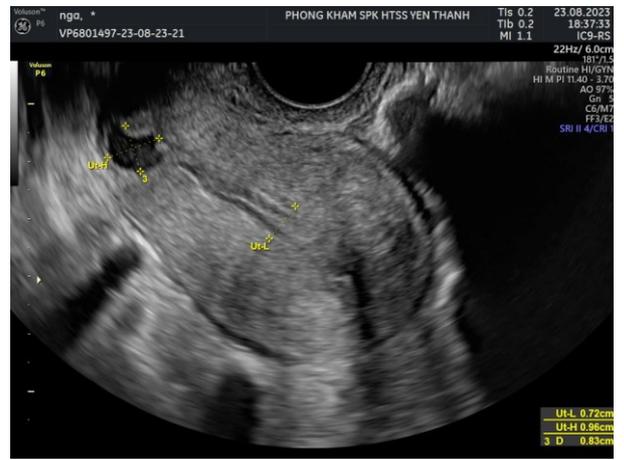
8

8

Phân loại



Khuyết sẹo nhỏ



Khuyết sẹo to

9

9

Ultrasound Obstet Gynecol 2019; 53: 107–115
 Published online in Wiley Online Library (wileyonlinelibrary.com). DOI: 10.1002/ug.19049.
 This is an open access article under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial-NoDerivs License, which permits use and distribution in any medium, provided the original work is properly cited, the use is non-commercial and no modifications or adaptations are made.

Sonographic examination of uterine niche in non-pregnant women: a modified Delphi procedure

I. P. M. JORDANS¹, R. A. DE LEEUW¹, S. I. STEGWEE¹, N. N. AMSO²,
 P. N. BARRI-SOLDEVILA³, T. VAN DEN BOSCH⁴, T. BOURNE⁵, H. A. M. BRÖLMANN¹,
 O. DONNEZ^{6,7}, M. DUEHOLM⁸, W. J. K. HEHENKAMP¹, N. JASTROW⁹, D. JURKOVIC¹⁰,
 R. MASHIACH¹¹, O. NAJF², I. STREULP², D. TIMMERMAN¹, L. F. VAN DER VOET¹²
 and J. A. F. HUIJNE¹

(a) **Phân loại**

(b)

3 loại khuyết sẹo mổ:

- Khuyết sẹo hốc đơn giản
- Khuyết sẹo hốc đơn giản 1 nhánh
- Khuyết sẹo hốc phức tạp

10

Why do niches develop in Caesarean uterine scars? Hypotheses on the aetiology of niche development

A.J.M.W. Vervoort*, L.B. Uittenbogaard, W.J.K. Hehenkamp, H.A.M. Brölmann, B.W.J. Mol, and J.A.F. Huirne

- ❑ Các yếu tố liên quan đến phẫu thuật
- ❑ Các yếu tố liên quan đến bệnh nhân (cơ địa)

12

Hypothesis I: Cervical location of the uterine incision induces impaired wound healing

Giả thuyết 1: vị trí đường mổ thấp

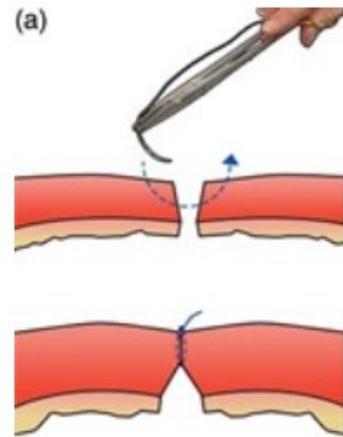
- Vị trí đường mổ thấp, rạch ngang qua cổ tử cung (thường xảy ra khi chuyển dạ lâu, CTC đã xóa, trở thành một phần của đoạn dưới TC)
- Các tuyến niêm mạc cổ tử cung vùi vào vết mổ, tiết dịch nhầy, trong → Cản trở sự lành vết thương
- Đường mổ thấp làm tăng nguy cơ hình thành khuyết sẹo mổ lớn (theo Osser OV và cs – 2010). Và mổ lấy thai khi đã chuyển dạ lâu để hình thành khuyết sẹo hơn mổ trước khi chuyển dạ (Shapira M và cs – 2020)

13

Hypothesis 2: Incomplete closure of the uterine wall

Giả thuyết 2: Do vết mổ không đóng kín

- Kỹ thuật khâu vết mổ ảnh hưởng đến khả năng liền vết thương
 - Khâu 1 lớp
 - Khâu 1 lớp toàn thể
 - Khâu 2 lớp
 - Đóng phức mạc
 - Siết chỉ, khóa chỉ

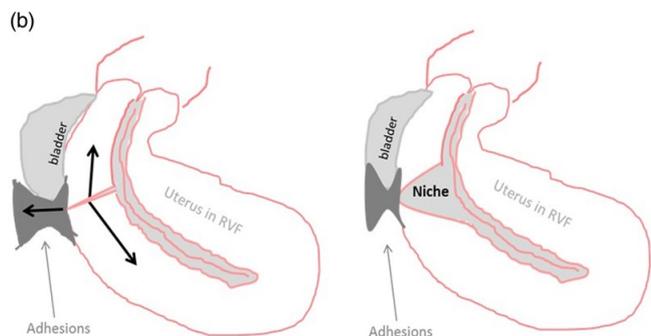


14

Hypothesis 3: Surgical activities that may induce adhesion formation and as a consequence induce impaired wound healing due to counteracting forces on the uterine scar

Giả thuyết 3: Do dính vết mổ với các mô xung quanh

Tử cung ngã sau có khả năng gặp khuyết sẹo mổ nhiều hơn (hướng các vector lực tại vết mổ)



15

Hypothesis 4: Patient or disease related factors that impair wound healing

Giả thuyết 4: Do các yếu tố cơ địa

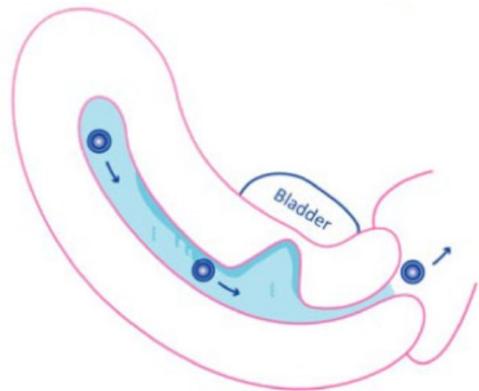
- ❑ Khả năng liền vết thương ở mỗi người là khác nhau, phụ thuộc vào nhiều yếu tố
- ❑ Có mối liên quan giữa hình thành khuyết sẹo vết mổ và thai phụ có BMI lớn, tiền sản giật hay tăng huyết áp, bế sản dịch



16

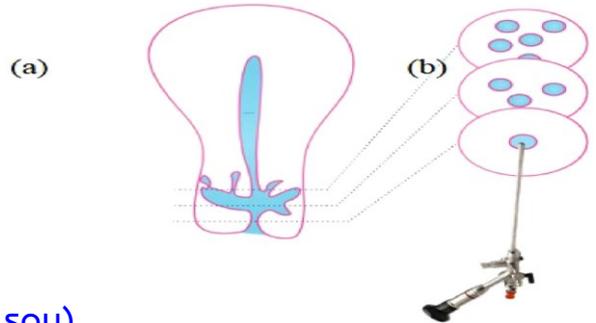
Khuyết sẹo mổ và vô sinh

- ❑ Cản trở không cho tinh trùng xâm nhập vào đường sinh dục



19

Khuyết sẹo mổ và vô sinh



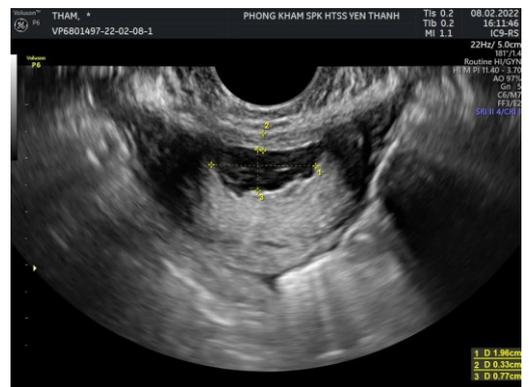
❑ Cản trở chuyển phôi

- Biến dạng giải phẫu do vết mổ
- Tư thế tử cung không thuận lợi (ngả sau)
- Khuyết sẹo mổ phức tạp, nhiều nhánh

❑ Ảnh hưởng tâm lý khi biết mình khuyết sẹo mổ cũ

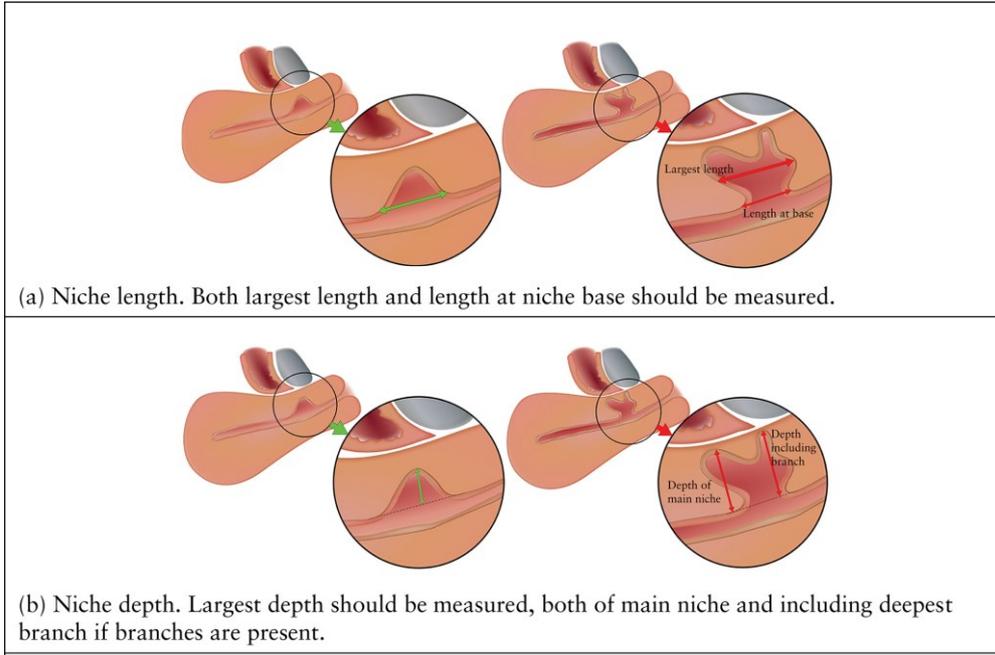
20

Đánh giá khuyết sẹo mổ

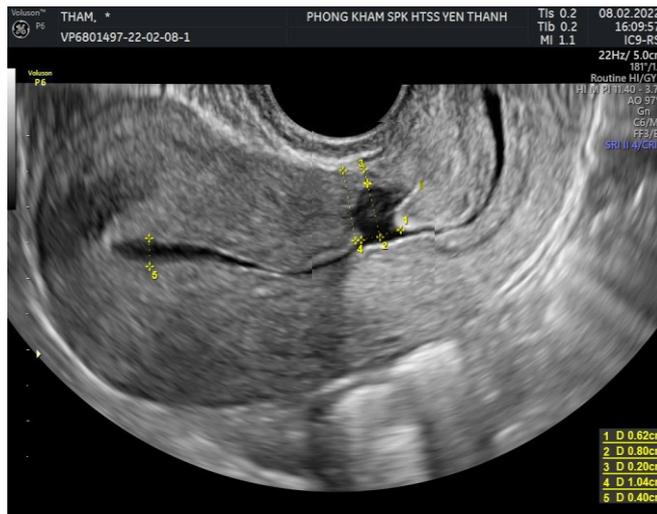
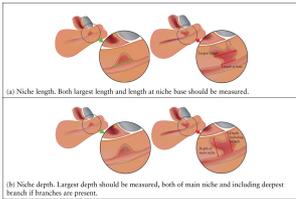


- Hình dạng khuyết sẹo
- Độ rộng, độ sâu khuyết sẹo mổ
- Độ dày cơ tử cung còn lại
- Độ dày cơ tử cung bên cạnh
- Kh/cách từ khuyết sẹo tới lỗ ngoài CTC
- Kh/cách từ khuyết sẹo tới nếp gấp BQ-ÂĐ

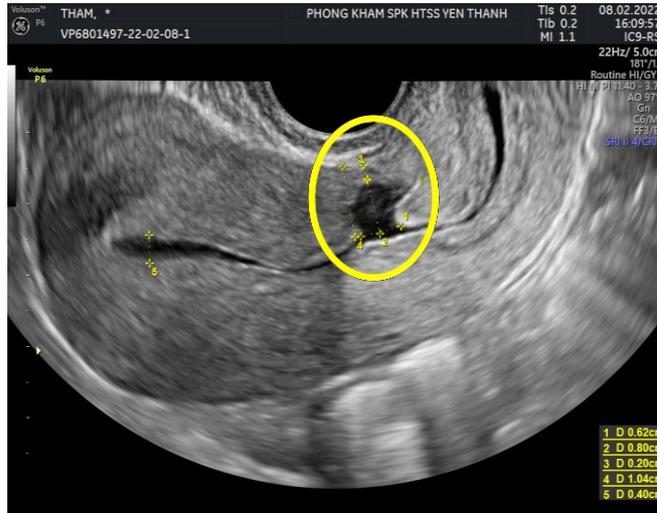
22



23



24



25



26

Khuyết sẹo mổ 2 lần



27

27

Điều trị

FACTS VIEWS VIS OBGYN, 2022, 14 (1): 37-47

Review

Fantastic niches and where to find them: the current diagnosis and management of uterine niche

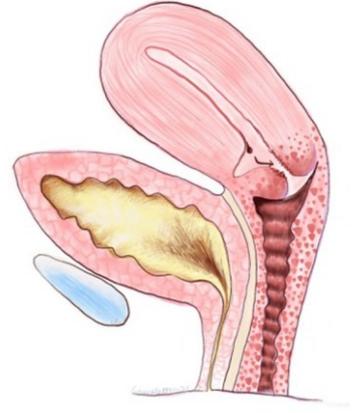
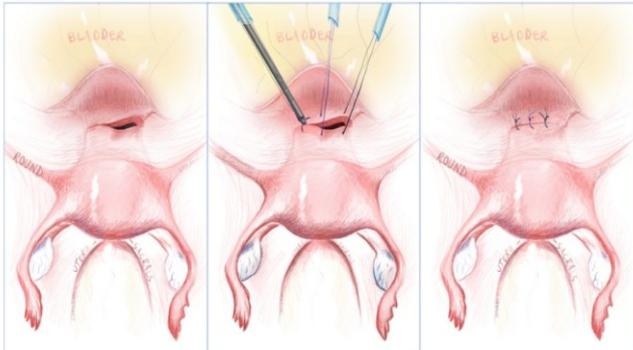
S. MCGOWAN¹, C. GOUMALATSOU², A KENT³

¹Gynaecology Department, Royal Surrey County Hospital, Royal Surrey NHS Foundation Trust, Egerton Road, Guildford, Surrey, United Kingdom; ²Women's and Children's Department, St Richard's Hospital, Spitalfields Road, Chichester, United Kingdom; ³Gynaecology Department, Royal Surrey County Hospital, Royal Surrey NHS Foundation Trust, Egerton Road, Guildford, Surrey, United Kingdom.

28

Lựa chọn phương pháp phẫu thuật

- Soi buồng tử cung
- Cắt lọc khâu lại sẹo mổ (Nội soi hoặc mổ bụng)



29

Siêu âm đánh giá trước mổ



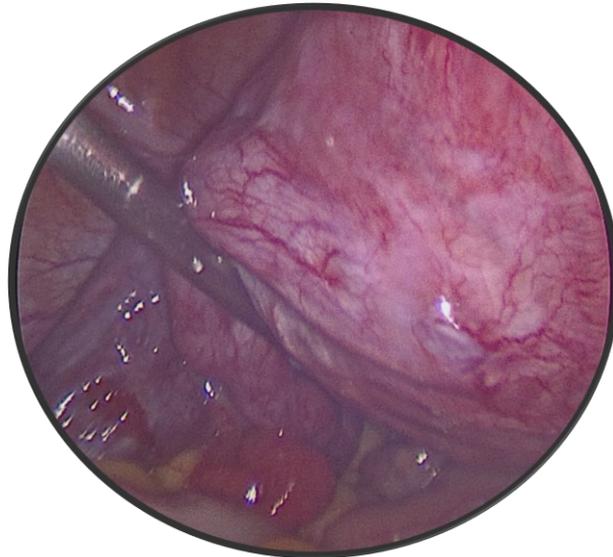
30

Siêu âm quyết định



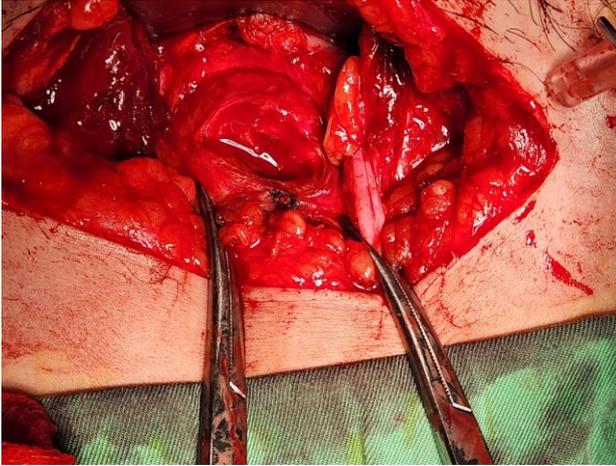
31

Soi ổ bụng



32

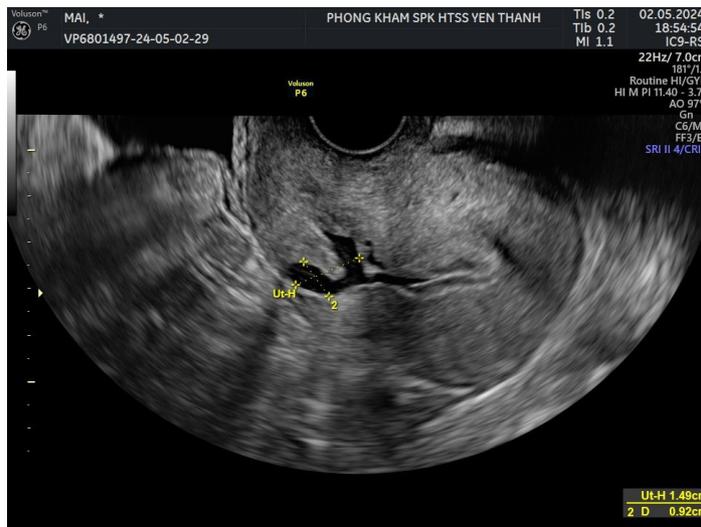
Phẫu thuật mổ mở



Cắt lọc, khâu 2 lớp

33

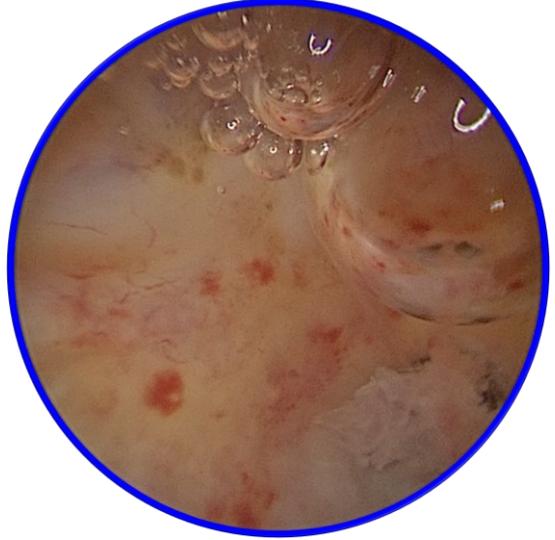
Siêu âm



Khuyết sẹo sâu, rộng và nhiều nhánh

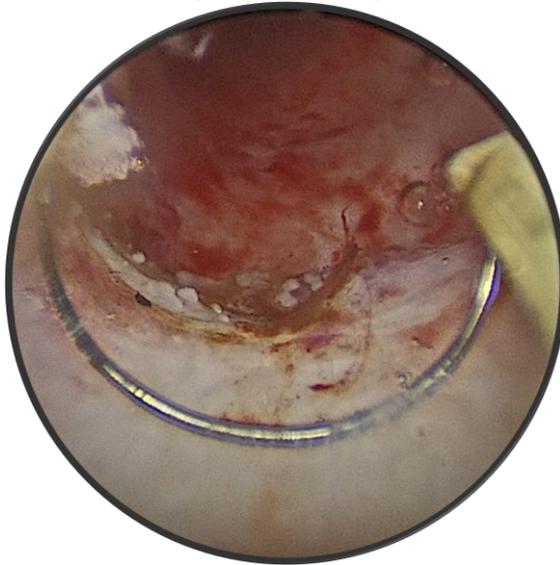
34

Soi buồng tử cung



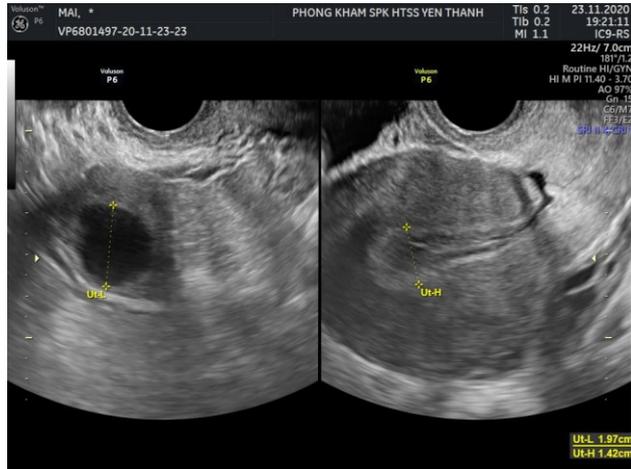
35

Soi buồng tử cung sửa sẹo



36

Siêu âm



Khuyết sọ sâu, hẹp

37

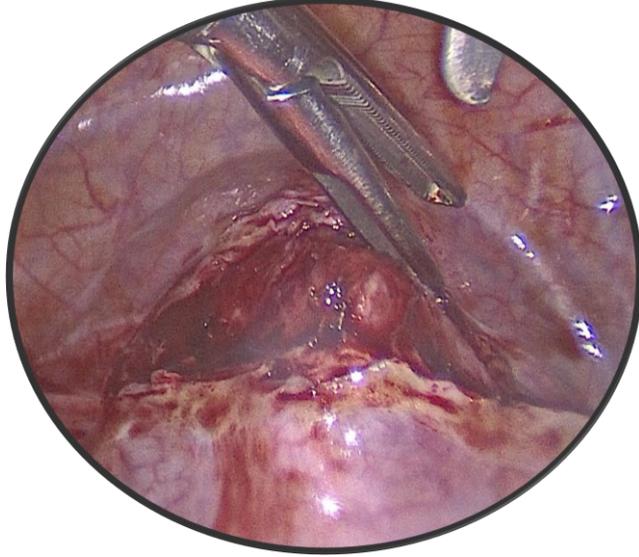
Siêu âm



Khuyết sọ sâu, hẹp

38

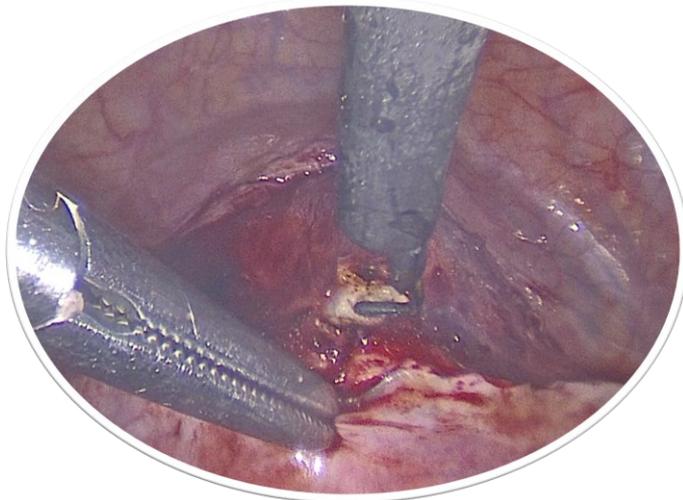
Phẫu thuật nội soi



39

39

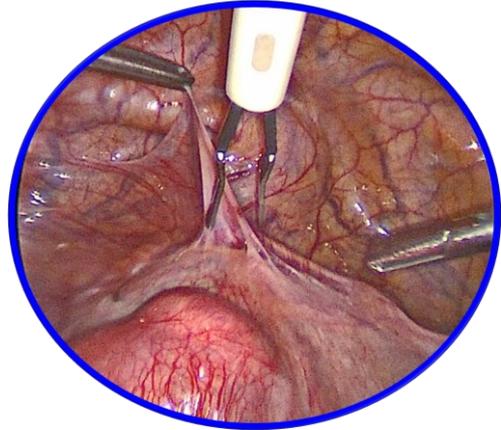
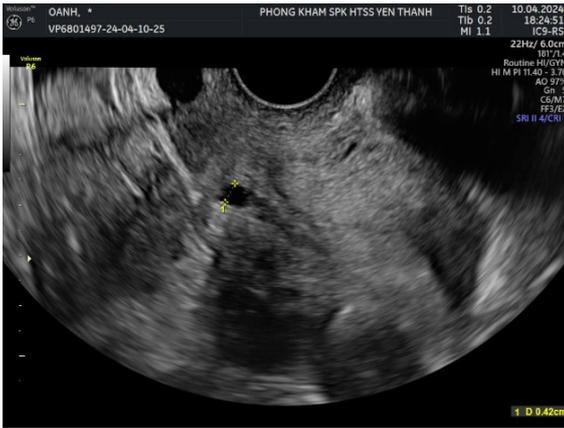
Phẫu thuật nội soi



40

40

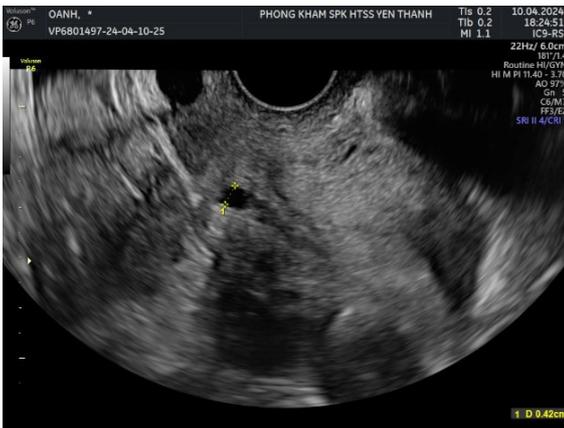
Phẫu thuật nội soi



41

41

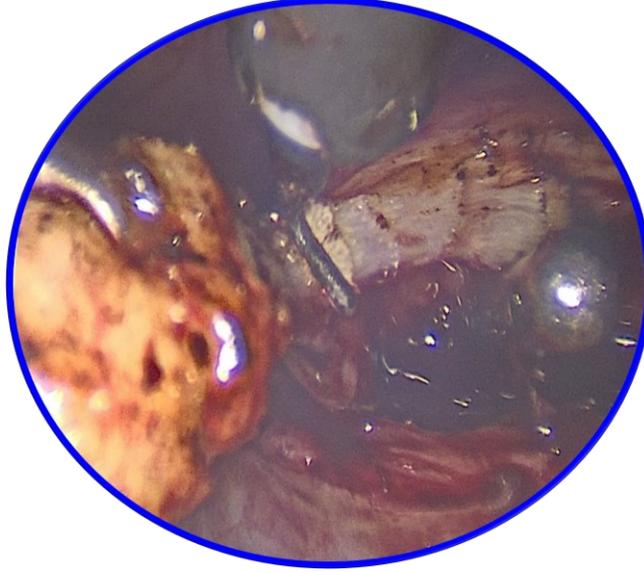
Phẫu thuật nội soi



42

42

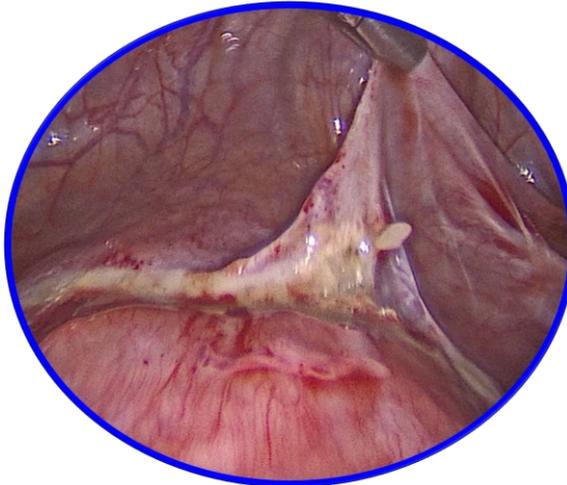
Phẫu thuật nội soi



43

43

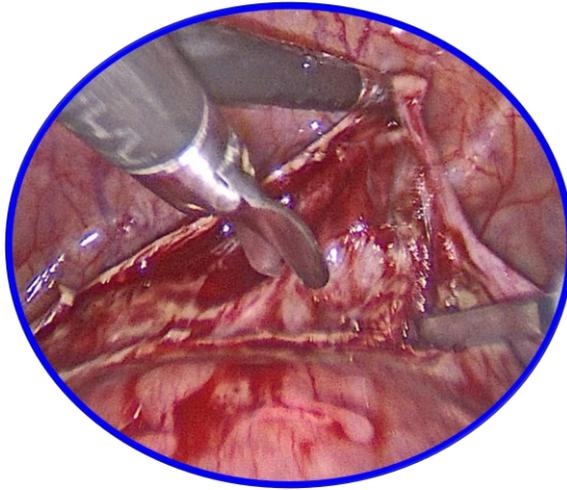
Phẫu thuật nội soi



44

44

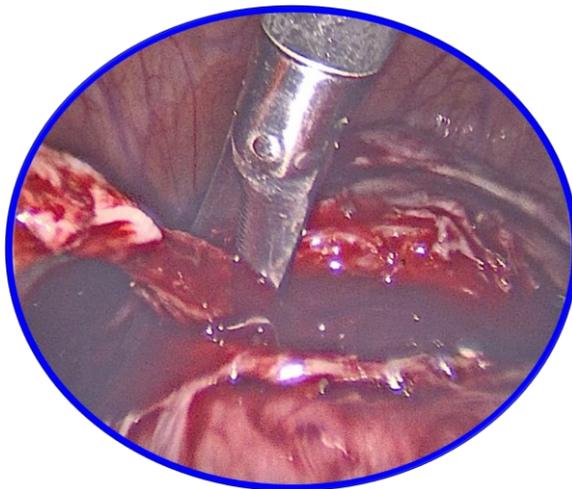
Phẫu thuật nội soi



45

45

Phẫu thuật nội soi



46

46

Phẫu thuật nội soi



47

47

Kết luận

- Khuyết sẹo mổ lấy thai gặp ngày càng nhiều do tỷ lệ mổ lấy thai cao, phương tiện chẩn đoán tốt.
- Không phải tất cả các trường hợp đều phải điều trị
- Phương pháp điều trị tùy từng bệnh nhân: mong con hoặc không
 - Nội khoa: thuốc tránh thai, dụng cụ tránh thai nội tiết
 - Ngoại khoa: soi buồng tử cung, nội soi ổ bụng hoặc phẫu thuật đường bụng
- Chẩn đoán hình ảnh (siêu âm) định hướng phương pháp phẫu thuật (soi BTC, mổ bụng hay nội soi): cơ tử cung còn lại (<2,5mm), độ rộng của khuyết sẹo (>5mm)
- Thành công: (khỏi hoàn toàn, cải thiện) khoảng 65-70%

49

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN!
